

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1941/VP-KNTN ngày 26/3/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng sau thanh tra tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng phát sinh từ ngày 31/12/2008 trở về trước, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1941/VPCP-KNTN ngày 26/3/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. “Khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng” theo hướng dẫn tại Thông tư này được hiểu là những khoản công nợ dự trữ quốc gia phải thu hồi hoặc phải xử lý, nhưng qua nhiều năm khó đòi, không thu hồi được hoặc chưa xử lý được đang theo dõi trên sổ kế toán có đủ điều kiện thực hiện xử lý theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

1. Đối tượng xử lý xóa nợ:

a) Đối tượng nợ đã bị cơ quan pháp luật xử lý phạt tù, hiện đã về địa phương nhưng không có khả năng trả nợ, có xác nhận của cơ quan thi hành án không còn tài sản để trả nợ;

b) Đối tượng nợ là tổ chức, tập thể đã giải thể, ngừng hoạt động hoặc phá sản, có xác nhận của cơ quan cấp ra quyết định thành lập;

c) Đối tượng nợ là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vay dự trữ quốc gia để cứu trợ cho dân và khôi phục các công trình công cộng (khi vay có đơn xin vay hoặc ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố);

d) Đối tượng nợ đã chết có giấy chứng tử hoặc xác nhận đã chết của cơ quan Tư pháp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và không còn tài sản để trả nợ (bao gồm cả trường hợp mất tích, nếu bỏ trốn khỏi địa phương phải có giấy chứng nhận của Công an Phường, Xã nơi đối tượng cư trú trước khi bỏ trốn);

2. Đối tượng xử lý bàn giao cho địa phương để thu hồi, bổ sung cho ngân sách địa phương:

a) Đối tượng đã bị pháp luật xét xử phải bồi thường, nay đã về địa phương cư trú nhưng không có xác nhận của cơ quan thi hành án là không có khả năng trả nợ theo bản án đã tuyên;

b) Đối tượng là các cá nhân, cán bộ đã nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển chuyên có quyết định nghỉ hưu, thôi việc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

3. Đối tượng xử lý ghi giảm nguồn vốn dự trữ:

Các khoản hao kho còn tồn đọng chưa xử lý do chưa xây dựng được định mức mà trong quá trình bảo quản không phát hiện có tiêu cực hoặc hao kho do phương thức nhập, xuất, bàn giao và khoản nợ do bão lụt gây ra.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hội đồng xử lý nợ dự trữ quốc gia

1. Hội đồng xử lý nợ dự trữ quốc gia do Bộ Tài chính thành lập

Thành phần, nhiệm vụ của Hội đồng xử lý công nợ dự trữ quốc gia tồn đọng Bộ Tài chính thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Hội đồng xử lý nợ dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước thành lập.

a) Thành phần của Hội đồng gồm:

- Lãnh đạo Tổng cục làm chủ tịch Hội đồng;

- Thành viên là Lãnh đạo các Vụ: Tài vụ - Quản trị, Chính sách và pháp chế, Kế hoạch, Khoa học và Công nghệ bảo quản, Quản lý hàng dự trữ, Thanh tra Dự trữ. Trong đó, Lãnh đạo Vụ Tài vụ - Quản trị là thành viên thường trực.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư này và chỉ đạo của Hội đồng xử lý cấp trên;

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc đối với các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Tổ chức tiếp nhận Báo cáo và hồ sơ (bản sao được công chứng) do các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực báo cáo; thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu, trên cơ sở đó tổng hợp, thuyết minh, lập báo cáo trình Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

- Tổng hợp, đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định xử lý đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý của Tổng cục trưởng.

c) Bộ phận giúp việc của Hội đồng: Hội đồng có thể thành lập Tổ giúp việc (nếu thấy cần thiết), thành viên Tổ giúp việc là các cán bộ, chuyên viên thuộc các Vụ là thành viên của Hội đồng. Quyết định thành lập, quy định trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giúp việc do Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

3. Hội đồng xử lý nợ dự trữ quốc gia do Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thành lập.

a) Thành phần của Hội đồng:

- Lãnh đạo Cục Dự trữ Nhà nước khu vực làm Chủ tịch Hội đồng;

- Thành viên của Hội đồng là Lãnh đạo các Phòng: Tài chính kế toán, Kế hoạch và Quản lý hàng dự trữ, Kỹ thuật bảo quản, Thanh tra và mời đại diện Sở Tài chính địa phương. Trong đó, Lãnh đạo Phòng Tài chính kế toán là thành viên thường trực.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng:

- Thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư này và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên;

- Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị báo cáo, cung cấp hồ sơ, chứng từ liên quan đến khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng;

- Tiếp nhận báo cáo, hồ sơ, chứng từ (bản sao được công chứng) do các đơn vị cung cấp;

- Kiểm tra, rà soát, tổ chức thu thập các hồ sơ, chứng từ, tài liệu còn thiếu có liên quan đến nội dung khoản nợ, đối tượng nợ;

- Nghiên cứu, đề xuất các phương án xử lý và thực hiện phân loại các khoản công nợ (chi tiết theo từng đối tượng nợ, nội dung nợ), đảm bảo phù hợp với các phương án và hồ sơ xử lý được quy định tại Thông tư này.

- Theo kết quả phân loại, tiến hành tổng hợp, thuyết minh, lập báo cáo trình Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực. Đồng thời, trên cơ sở đó tổng hợp, đề nghị Cục trưởng quyết định xử lý đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục trưởng.

c) Bộ phận giúp việc của Hội đồng: Hội đồng có thể thành lập Tổ giúp việc (nếu thấy cần thiết), thành viên Tổ giúp việc là các cán bộ, chuyên viên thuộc các Phòng trong thành viên của Hội đồng. Quyết định thành lập, quy định trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giúp việc do Cục trưởng Cục Dụ trữ Nhà nước khu vực quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị xử lý xóa nợ

1. Đối với đối tượng nợ đã bị cơ quan pháp luật xử lý phạt tù, hiện đã về địa phương nhưng không có khả năng trả nợ; hồ sơ gồm:

a) Bản sao bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

b) Xác nhận của cơ quan thi hành án đối tượng không còn tài sản để trả nợ theo bản án đã tuyên.

2. Đối với đối tượng nợ là tổ chức, tập thể đã giải thể, ngừng hoạt động hoặc phá sản; hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến khoản nợ của đối tượng (gồm một trong các giấy tờ sau: hợp đồng vay, phụ lục hợp đồng, thẻ xác nhận nợ, bản đối chiếu nợ hoặc các giấy tờ khác có liên quan).

b) Quyết định giải thể, ngừng hoạt động, phá sản hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp đối tượng nợ là Hợp tác xã đã giải thể, ngừng hoạt động hoặc tự tan thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp quyết định thành lập.

3. Đối với đối tượng nợ là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (áp dụng cả đối với trường hợp Ủy ban nhân dân quận, huyện hay xã, phường) vay dự trữ quốc gia để cứu trợ cho dân và khôi phục các công trình công cộng; hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến khoản công nợ của đối tượng (gồm một trong các giấy tờ sau: phiếu xuất kho, hợp đồng vay, thẻ xác nhận nợ hay bản đối chiếu nợ hoặc các giấy tờ khác có liên quan).

b) Đơn xin vay hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc quận, huyện hay xã, phường) về việc vay để cứu trợ cho dân và khôi phục các công trình công cộng.

4. Đối với đối tượng nợ đã chết, mất tích hoặc bỏ trốn khỏi địa phương; hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến khoản nợ của đối tượng (gồm một trong các giấy tờ sau: Thẻ xác nhận nợ, bản đối chiếu nợ, biên bản xác định hao hụt, biên bản xuất dốc kho hoặc các giấy tờ khác có liên quan).

b) Giấy chứng tử hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã về đối tượng nợ đã chết; trường hợp mất tích phải có tuyên bố mất tích của Tòa án; trường hợp bỏ trốn khỏi địa phương phải có chứng nhận của Công an phường, xã.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị xử lý bàn giao cho địa phương để thu hồi, bổ sung cho ngân sách địa phương

1. Đối với đối tượng đã bị pháp luật xét xử phải bồi thường, nay đã về địa phương cư trú nhưng không có xác nhận của cơ quan thi hành án là không có khả năng trả nợ theo bản án đã tuyên; hồ sơ gồm: Bản sao bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

2. Đối với đối tượng là các cá nhân, cán bộ đã nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển chuyên công tác; hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến khoản nợ của đối tượng (gồm một trong các giấy tờ sau: Thẻ xác nhận nợ, bản đối chiếu nợ hoặc quyết định bồi thường của cơ quan có thẩm quyền).

b) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển chuyên công tác.

Điều 6. Hồ sơ xử lý đề nghị ghi giảm nguồn vốn dự trữ

1. Đối với các khoản hao kho còn tồn đọng chưa xử lý do chưa xây dựng được định mức mà trong quá trình bảo quản không phát hiện có tiêu cực hoặc hao kho do phương thức nhập, xuất, bàn giao; hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến khoản công nợ (gồm: một trong các giấy tờ sau: biên bản xuất dốc kho hay biên bản xác định hao hụt hoặc các giấy tờ khác có liên quan).

b) Văn bản xác nhận của đơn vị về việc không có tiêu cực trong quá trình bảo quản.

2. Đối với khoản công nợ do bão lụt gây ra; hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ, chứng từ liên quan đến khoản công nợ (như: biên bản hao hụt kho hoặc các giấy tờ khác có liên quan).

b) Biên bản xác nhận thiệt hại do thiên tai, bão lụt gây ra.

Điều 7. Xử lý đối với các trường hợp không có đủ hồ sơ

Trường hợp khoản nợ không đầy đủ hồ sơ, chứng từ làm căn cứ để xem xét, xử lý thì Cục trưởng các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chỉ đạo Hội đồng cấp cục kiểm tra, đối chiếu, xác nhận số nợ theo từng đối tượng trên sổ kế toán, lập biên bản làm căn cứ nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý; trên cơ sở biên bản và các phương án đề xuất xử lý, tổng hợp, thuyết minh, giải trình rõ về nguyên nhân, lý do và phương án xử lý theo từng đối tượng, báo cáo Tổng cục Dự trữ Nhà nước để tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét quyết định.

Điều 8. Mẫu báo cáo và hồ sơ kèm theo báo cáo

1. Báo cáo gửi lên cấp trên:

Căn cứ tình hình khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng, kết quả phân loại, số nợ đã xử lý và số nợ còn lại đề nghị cấp trên xem xét xử lý tiếp, Tổng cục Dự trữ Nhà nước và các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực tổng hợp, thuyết minh, lập báo cáo gửi cấp trên theo mẫu số 01 ban hành theo Thông tư này.

2. Hồ sơ gửi kèm theo báo cáo phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Mỗi khoản nợ hoặc đối tượng nợ đề nghị xử lý phải có 01 bảng kê được đánh số thứ tự tương ứng theo số thứ tự phản ánh trong báo cáo chi tiết. Trong đó thống kê các hồ sơ, chứng từ liên quan khoản nợ, đối tượng và kèm theo đó là các hồ sơ, chứng từ (bản sao được công chứng), để làm cơ sở kiểm tra, xem xét.

b) Việc sắp xếp hồ sơ, chứng từ phải được tổng hợp và sắp xếp theo thứ tự bảng kê, nhằm thuận tiện trong công tác quản lý và phục vụ kiểm tra đối chiếu khi xem xét.

c) Đối với những khoản nợ, đối tượng nợ đã xử lý theo phân cấp tại Điều 9 Thông tư này, khi báo cáo cấp trên không phải gửi hồ sơ kèm theo.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền xử lý

1. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xem xét, quyết định xử lý những khoản nợ có giá trị dưới 20 triệu đồng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 2 khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại các Điều 4 và Điều 6 Thông tư này, trên cơ sở kết quả thẩm định của Tổ thẩm định Cục Dự trữ Nhà nước khu vực.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước xem xét, quyết định xử lý những khoản nợ có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 2 khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại các Điều 4 và Điều 6 Thông tư này, trên cơ sở kết quả thẩm định của Tổ thẩm định Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

3. Các trường hợp còn lại do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Điều 10. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Bộ, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có liên quan đến nợ tồn đọng của dự trữ quốc gia

1. Có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Tổng cục Dự trữ Nhà nước, các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực trong việc thực hiện xử lý các khoản nợ tồn đọng về dự trữ quốc gia theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

2. Đối với khoản nợ bàn giao cho địa phương thu hồi tăng ngân sách của địa phương: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyết định giao nhiệm vụ cho cơ quan có chức năng của địa phương tiếp nhận khoản nợ để thực hiện thu hồi, đồng thời gửi cho Cục Dự trữ Nhà nước khu vực để phối hợp thực hiện; việc bàn giao, tiếp nhận được lập biên bản giao nhận theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm

vụ thu hồi có trách nhiệm tổ chức thu hồi để bổ sung tăng ngân sách cho địa phương.

Trường hợp không tiếp nhận, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc bàn giao các khoản công nợ thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến bằng văn bản nêu rõ lý do không tiếp nhận gửi Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước

1. Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo và đôn đốc các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định cùng với báo cáo đề xuất, đề nghị của Hội đồng Tổng cục kèm theo đầy đủ hồ sơ liên quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ban hành Quyết định xử lý xóa nợ hoặc giảm nguồn vốn dự trữ quốc gia đối với những khoản nợ thuộc thẩm quyền (quy định tại Điều 9 Thông tư này) để làm căn cứ hạch toán kế toán.

3. Theo nội dung Quyết định xử lý nợ hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị hạch toán kế toán để xóa nợ hay giảm nguồn vốn dự trữ theo đúng chế độ kế toán quy định.

4. Căn cứ kết quả những khoản nợ đã xử lý và các khoản nợ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, chỉ đạo tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính qua Hội đồng Bộ Tài chính để kiểm tra, thẩm định.

5. Sau khi hoàn thành việc xử lý nợ tồn đọng sau thanh tra, chỉ đạo tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực

1. Tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung Thông tư này và chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên; thống kê, tổng hợp tình hình các khoản công nợ dự trữ tồn đọng phải xử lý theo kết luận của Thanh tra Chính phủ; tiến hành rà soát, đối chiếu với các hồ sơ, chứng từ hiện đang quản lý, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương thực hiện bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ còn thiếu đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất và tiến hành phân loại các khoản nợ theo các phương án và hồ sơ xử lý như quy định tại Điều 2 và các Điều từ Điều 4 đến Điều 7 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định cùng với báo cáo đề xuất, đề nghị của Hội đồng Cục kèm theo đầy đủ hồ sơ liên quan, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực ban hành Quyết định xử lý xóa nợ hoặc giảm nguồn vốn dự trữ quốc gia đối với những khoản nợ thuộc thẩm quyền (quy định tại Điều 9 Thông tư này) để làm căn cứ hạch toán kế toán.

4. Căn cứ kết quả những khoản nợ đã xử lý (thuộc thẩm quyền) và những khoản nợ thuộc thẩm quyền xử lý của cấp trên, chỉ đạo tổng hợp báo cáo Tổng cục Dự trữ Nhà nước qua Hội đồng Tổng cục để kiểm tra thẩm định.

5. Sau khi hoàn thành việc xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng tại đơn vị mình, chỉ đạo tổng hợp báo cáo Tổng cục Dự trữ Nhà nước để báo cáo Bộ Tài chính.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./. *HKT*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW có liên quan đến nợ tồn đọng dự trữ quốc gia;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW có liên quan đến nợ tồn đọng dự trữ quốc gia;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các Cục DTNN khu vực;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCDT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Chí

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU
VỰC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm ...

Số :/BC-CDT...

BÁO CÁO

V/v đề nghị xử lý nợ dự trữ quốc gia tồn đọng

Kính gửi :

Căn cứ Thông tư... và hướng dẫn của ...về ...;

Căn cứ tình hình các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng đơn vị đang theo dõi và kết quả phân loại đề nghị xử lý của Hội đồng xử lý nợ Cục lập ngày ... thángnăm....; căn cứ các khoản nợ đơn vị đã xử lý và số còn lại đề nghị cấp trên xem xét xử lý, Cục DTNN khu vực tổng hợp báo cáo và đề nghị xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng sau thanh tra như sau:

I/ Số liệu tổng hợp về các khoản nợ tồn đọng đơn vị đang theo dõi, nguyên nhân, lý do chưa xử lý:

1. Số liệu tổng hợp:

Tổng số nợ dự trữ quốc gia tồn đọng đề nghị xử lý:đ. Trong đó:

a/ Nợ vay đổi hạt: đ. Chi tiết theo từng loại hàng:

- Nợ thóc vay đổi hạt: Lượng:kg. Giá trị:đ

- Nợ

b/ Nợ do xuất thóc gia công gạo: Lượng:kg. Giá trị:đ

c/ Nợ bằng tiền:đ. Gồm:

- Nợ do ứng tiền mua hàng:

- Nợ do thiếu hụt quỹ:

-

d/ Hao kho phải bồi thường và hao kho chưa xử lý: đ. Gồm:

- Nợ hao kho phải bồi thường: Lượng:kg.

Giá trị phải bồi thường:đ (ghi theo quyết định bồi thường của cấp có thẩm quyền).

- Hao kho chưa xử lý:đ. Chi tiết theo loại hàng:

+ Thóc: Lượng:kg. Giá trị:đ

+

2. Báo cáo nguyên nhân, lý do các khoản nợ tồn đọng không thu hồi, xử lý được: *(yêu cầu phải nêu được các nguyên nhân, lý do tại sao đơn vị không thu hồi, xử lý được đối với các khoản công nợ dự trữ này)*.

II/ Kết quả phân loại các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng, số đã xử lý và số đề nghị cấp trên xử lý:

1. Kết quả phân loại:

Tổng số: Trong đó:

- Đề nghị xóa nợ:
- Đề nghị chuyển cho địa phương để thu hồi:
- Đề nghị ghi giảm nguồn vốn dự trữ:
- Các khoản nợ không đủ hồ sơ theo quy định:

Trong đó đề xuất các phương án xử lý:

+ Đề nghị

+

2. Các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng đơn vị đã xử lý và số đề nghị cấp trên xem xét xử lý:

a- Các khoản nợ đơn vị đã xử lý:

Tổng số:

Trong đó: - Xử lý cho xóa nợ:.....

- Xử lý ghi giảm nguồn vốn:

Chi tiết các khoản nợ đơn vị đã xử lý, như phụ lục số 01 kèm theo.

b- Các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng đề nghị cấp trên xem xét xử lý tiếp:

Tổng số:đ. Trong đó:

- Đề nghị xóa nợ:
- Đề nghị chuyển cho địa phương để thu hồi:
- Đề nghị ghi giảm nguồn vốn:

Chi tiết theo từng phương án *(như nêu trên)*, theo từng khoản nợ và đối tượng, có Báo cáo chi tiết *(như phụ lục số 02)* và hồ sơ kèm theo.

- Các khoản nợ không đủ hồ sơ theo quy định:

Trong đó đề xuất các phương án xử lý:

+ Đề nghị

+

Chi tiết theo các khoản nợ và đối tượng không đủ hồ sơ theo quy định, có Báo cáo chi tiết (như Phụ lục số 03) và thuyết minh, Biên bản xác nhận, đề xuất phương án xử lý của đơn vị gửi kèm theo.

3. Thuyết minh, đánh giá về hồ sơ, chứng từ liên quan đến các khoản nợ làm căn cứ xem xét để thực hiện phân loại, xử lý đã đảm bảo đầy đủ và đúng quy định chưa.

Trường hợp không đầy đủ hồ sơ, chứng từ làm căn cứ xem xét theo quy định, đơn vị phải có thuyết minh đối với từng trường hợp cụ thể.

(Trường hợp hồ sơ, chứng từ không đầy đủ phải có bản thuyết minh, xác nhận của đơn vị theo từng khoản nợ, đối tượng nợ)

Cục DTNN khu vực báo cáo, đề nghị Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính xem xét xử lý.

Nơi nhận:

- Tổng cục DTNN;
- ...
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

BÁO CÁO CHI TIẾT CÔNG NỢ DỰ TRỮ TỒN ĐONG ĐÃ XỬ LÝ

(Áp dụng đối với các khoản công nợ có đầy đủ hồ sơ, chứng từ)

Kèm theo văn bản số...../BC-CDT... của Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực...

STT	Tên đối tượng	Nội dung nợ	Tổng số nợ đã xử lý		Thời điểm phát sinh nợ	Các phương án xử lý				
						Xóa nợ		Giảm vốn dự trữ		
			SL	Thành tiền		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	
I	Xóa nợ									
1	Đối tượng bị cơ quan pháp luật xử lý phạt tù, hiện đã về địa phương nhưng không có khả năng trả nợ (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)									
1.1	Tên đối tượng nợ									
1.2	...									
2	Đối tượng là tổ chức, tập thể đã giải thể, ngừng hoạt động hoặc phá sản (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)									
2.1	Tên đối tượng nợ									
2.2	...									
3	Đối tượng là UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương vay DTQG để cứu trợ cho dân và khôi phục các công trình công cộng (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)									
3.1	Tên đối tượng nợ									
3.2	...									
4	Đối tượng là cá nhân đã chết, mất tích hoặc bỏ trốn khỏi địa phương (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)									
4.1	Tên đối tượng nợ									
	...									

STT	Tên đối tượng	Nội dung nợ	Tổng số nợ đã xử lý		Thời điểm phát sinh nợ	Các phương án xử lý			
						Xóa nợ		Giảm vốn dự trữ	
			SL	Thành tiền		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
II	<i>Ghi giảm vốn dự trữ</i>								
1	Hao kho tồn đọng chưa xử lý do chưa có định mức mà trong quá trình bảo quản không phát hiện có tiêu cực hoặc hao kho do phương thức nhập, xuất, bàn giao								
	Chi tiết theo khoản công nợ								
	...								
2	Khoản công nợ do thiên tai, bão lụt gây ra								
	Chi tiết theo khoản công nợ								
	...								

Ghi chú: Yêu cầu báo cáo chi tiết theo từng nội dung và đối tượng nợ.

BÁO CÁO CHI TIẾT CÔNG NỢ DỰ TRỮ TỒN ĐỘNG ĐỀ NGHỊ CẤP TRÊN XEM XÉT XỬ LÝ*(Áp dụng đối với các khoản công nợ có đầy đủ hồ sơ, chứng từ)**Kèm theo văn bản số/BC-CDT... của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực ...**Đơn vị tính: đồng*

STT	Tên đối tượng	Nội dung nợ	Tổng số nợ đề nghị xử lý		Thời điểm phát sinh nợ	Các phương án đề nghị					
			SL	Thành tiền		Xóa nợ		Bàn giao địa phương		Giảm vốn dự trữ	
					SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Đề nghị xóa nợ										
1	Đối tượng bị cơ quan pháp luật xử lý phạt tù, hiện đã về địa phương nhưng không có khả năng trả nợ (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)										
1.1	Tên đối tượng nợ										
1.2	...										
2	Đối tượng là tổ chức, tập thể đã giải thể, ngừng hoạt động hoặc phá sản (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)										
2.1	Tên đối tượng nợ										
2.2	...										
3	Đối tượng là UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương vay DTQG để cứu trợ cho dân và khôi phục các công trình công cộng (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)										
3.1	Tên đối tượng nợ										
3.2	...										
4	Đối tượng là cá nhân đã chết, mất tích hoặc bỏ trốn khỏi địa phương (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)										
4.1	Tên đối tượng nợ										
	...										

STT	Tên đối tượng	Nội dung nợ	Tổng số nợ đề nghị xử lý		Thời điểm phát sinh nợ	Các phương án đề nghị						
						Xóa nợ		Bàn giao địa phương		Giảm vốn dự trữ		
			SL	Thành tiền		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
II	Bàn giao cho địa phương											
1	Đối tượng đã bị pháp luật xử lý xét xử phải bồi thường, về địa phương cư trú và không có xác nhận của cơ quan thi hành án là không có khả năng trả nợ theo bản án đã tuyên (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)											
1.1	Tên đối tượng nợ ...											
2	Đối tượng đã bị bắt; đối tượng là các cá nhân, cá bộ đã nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển chuyên công tác (Chi tiết theo từng đối tượng nợ)											
2.1	Tên đối tượng nợ ...											
III	Ghi giảm vốn dự trữ											
1	Hao kho tồn đọng chưa xử lý do chưa có định mức mà trong quá trình bảo quản không phát hiện có tiêu cực hoặc hao kho do phương thức nhập, xuất, bàn giao Chi tiết theo khoản công nợ ...											
2	Khoản công nợ do thiên tai, bão lụt gây ra Chi tiết theo khoản công nợ ...											

Ghi chú:

- Yêu cầu báo cáo chi tiết theo từng nội dung và đối tượng nợ quy định tại Điều 2 Thông tư.
- Báo cáo gửi kèm theo toàn bộ hồ sơ, chứng từ theo hướng dẫn tại Điều 4, 5, 6 Thông tư quy định.

Phụ lục số 03

BÁO CÁO CHI TIẾT CÔNG NỢ DỰ TRỮ TỒN ĐỘNG ĐỀ NGHỊ CẤP TRÊN XỬ LÝ

(Áp dụng đối với các khoản công nợ không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ)

Kèm theo văn bản số/BC-CDT... của Cục Dự trữ Nhà nước khu vực ...

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đối tượng	Nội dung nợ	Tổng số nợ đề nghị xử lý		Thời điểm phát sinh nợ	Các phương án đề xuất					
			SL	Thành tiền		Xóa nợ		Bàn giao địa phương		Giảm vốn dự trữ	
						SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Chi tiết theo từng đối tượng nợ</i>										

Ghi chú: nêu những hồ sơ hiện có và giải trình đối với từng trường hợp cụ thể.

Kèm theo báo cáo giải trình của đơn vị theo từng nội dung nợ

TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC
CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU
VỰC...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BB-CDT...

BIÊN BẢN
Về việc giao nhận thu hồi nợ

Căn cứ Thông tư số .../2012/TT-BTC ngày tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản nợ dự trữ quốc gia tồn đọng tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ - BTC ngày thángnăm ... của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc bàn giao thu hồi nợ dự trữ quốc gia tồn đọng tại Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chothực hiện tiếp nhận khoản nợ phải thu do Cục DTNN khu vựcgiao, để tiếp tục thu hồi, bổ sung ngân sách của địa phương.

Hôm nay, ngày ... tháng... năm, tại Chúng tôi gồm:

1/ Đại diện Cục DTNN khu vực(bên giao):

- Ông (bà): ...

- ...

2/ Đại diện(bên nhận):

- Ông (bà): ...

- ...

Đã cùng nhau thực hiện giao nhận khoản nợ để tiếp tục thu hồi như sau:

Số TT	Tên đối tượng nợ	Lý do nợ	Số tiền phải thu	Ghi chú
1				
2				
3				
Cộng:				

Số tiền bằng chữ:

Kèm theo có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan của các đối tượng nợ.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn